

Số: 08 /2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 358/TTr-SLĐTBXH ngày 04 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Lao động-TB&XH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Trường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo Cao Bằng, Đài PTTH Cao Bằng;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP, CVNCTH;
- Trung tâm Thông tin- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX_{HN}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý nhà nước về dịch vụ việc làm, cơ quan được ủy quyền đặt hàng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực việc làm sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí sự nghiệp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp và cá nhân có chức năng, nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực việc làm (gọi chung là bên cung ứng dịch vụ).

c) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực việc làm (gọi chung bên sử dụng dịch vụ).

Điều 2. Quản lý nhà nước, cung ứng sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực việc làm

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ về việc làm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động dịch vụ việc làm được phép nhận đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ việc làm theo quy định của pháp luật.

Chương II
QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ; CƠ CHẾ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM TRA, NGHIỆM THU SẢN PHẨM, DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG TRONG LĨNH VỰC VIỆC LÀM

Điều 3. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ về việc làm

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ tư vấn, bao gồm:

a) Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ tư vấn việc làm theo quy định tại Mẫu số 01 (dành cho người lao động); Mẫu số 02 (dành cho người sử dụng lao động); Mẫu số 03 (dành cho tập thể người lao động) ban hành kèm theo Quy định này.

b) Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ tư vấn chính sách lao động việc làm theo quy định tại Mẫu số 01 (dành cho người lao động); Mẫu số 02 (dành cho người sử dụng lao động); Mẫu số 03 (dành cho tập thể người lao động) ban hành kèm theo Quy định này.

c) Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ tư vấn học nghề theo quy định tại Mẫu số 01 (dành cho người lao động); Mẫu số 03 (dành cho tập thể người lao động) ban hành kèm theo Quy định này.

2. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ giới thiệu việc làm theo quy định tại Mẫu số 01 (bản sao), Mẫu số 01b ban hành kèm theo Quy định này.

3. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung ứng lao động theo quy định tại Mẫu số 02 (bản sao), Mẫu số 02a ban hành kèm theo Quy định này.

4. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ thu thập thông tin người tìm việc theo quy định tại Mẫu số 01 (bản sao), Mẫu số 01a ban hành kèm theo Quy định này.

5. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ thu thập thông tin việc làm trống theo quy định tại Mẫu số 02 (bản sao), Mẫu số 02b ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 4. Nội dung tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ

1. Tiêu chuẩn về người cung cấp dịch vụ

a) Phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm; nắm vững kiến thức về lĩnh vực việc làm, giáo dục nghề nghiệp; có khả năng tổng hợp, phân tích các thông tin về việc làm, giáo dục nghề nghiệp; có kỹ năng tư vấn độc lập.

b) Có phẩm chất đạo đức tốt; chấp hành đúng các quy định của pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; thái độ thân thiện, hòa nhã, lịch sự, giữ tác phong chuẩn mực trong giao tiếp.

c) Có tinh thần, trách nhiệm trong quá trình cung cấp dịch vụ, kịp thời, chính xác đáp ứng với bên sử dụng dịch vụ. Khả năng thành thạo sử dụng vật tư, trang thiết bị trong quá trình cung ứng dịch vụ.

2. Tiêu chuẩn về nội dung cung cấp dịch vụ

a) Có đầy đủ nội dung, thông tin, tài liệu về thị trường lao động, gồm: Số đơn vị doanh nghiệp cần tuyển dụng lao động, số lượng lao động cần tuyển dụng, ngành, nghề tuyển dụng, vị trí việc làm tuyển dụng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, kinh nghiệm làm việc, kỹ năng, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, thử việc, các hợp đồng lao động, hình thức làm việc, mục đích làm việc, điều kiện làm việc và lương, thưởng, các khoản phải đóng, các chế độ phúc lợi khác.

b) Nắm bắt đầy đủ thông tin về người lao động, gồm: Họ tên, năm sinh, giới tính, nơi thường trú, trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo, khả năng sử dụng tin học, ngoại ngữ, khả năng giao tiếp, quá trình học tập hoặc quá trình làm việc, tình trạng hoạt động kinh tế của người lao động, tình trạng thất nghiệp.

c) Có đầy đủ thông tin, tài liệu về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành thuộc lĩnh vực lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp; nắm vững các quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí các ngành, nghề đào tạo, hệ thống giáo trình, giáo án đào tạo theo ngành nghề, môn học, mô đun; nắm vững những thông tin về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành nghề đào tạo của cơ sở, chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khả năng tìm kiếm việc làm sau đào tạo, nơi có thể làm việc.

3. Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cung ứng dịch vụ

a) Có đầy đủ phương tiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ trong quá trình cung ứng dịch vụ đối với từng dịch vụ được cung ứng theo quy định.

b) Bảo đảm nơi, địa điểm cung cấp dịch vụ thông thoáng, trang trọng, lịch sự, có đầy đủ bảng chỉ dẫn, bảo đảm quyền riêng tư của bên sử dụng dịch vụ.

Điều 5. Giám sát chất lượng sản phẩm, dịch vụ

1. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, cơ quan có thẩm quyền được giao tiến hành giám sát tình hình cung cấp dịch vụ của bên cung cấp dịch vụ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn tại Quy định này. Việc giám sát phải được lập thành biên bản có chữ ký của người giám sát và đơn vị được giám sát.

2. Nội dung giám sát: Giám sát việc thực hiện đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này.

3. Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện có sai sót của bên cung cấp dịch vụ thì yêu cầu bên cung cấp dịch vụ khắc phục; nếu không khắc phục báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề, nội dung liên quan tới việc đặc hàng cung cấp dịch vụ.

Điều 6. Đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ

1. Đánh giá chất lượng dịch vụ tư vấn việc làm, tư vấn chính sách lao động việc làm, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động đã được tổ chức sự nghiệp cung ứng là dựa trên kết quả đánh giá của bên sử dụng dịch vụ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn của sản phẩm, dịch vụ được quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định này.

2. Đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ thu thập thông tin người tìm việc, thu thập thông tin việc làm trông là dựa trên kết quả thu thập và kết quả tự đánh giá của người thu thập thông tin dựa trên cơ sở các thông tin được thu thập đầy đủ, chính xác do người sử dụng lao động và người lao động cung cấp.

Điều 7. Kiểm định chất lượng sản phẩm, dịch vụ việc làm

1. Trên cơ sở đánh giá sản phẩm, dịch vụ của bên sử dụng dịch vụ và người thu thập thông tin người tìm việc, việc làm trông, đơn vị sự nghiệp cung ứng dịch vụ việc làm rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn để tự kiểm định, xác định kết quả cụ thể sau kiểm định trên từng ca dịch vụ đã cung ứng vào Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về dịch vụ việc làm cấp tỉnh kiểm định độc lập đối với chất lượng sản phẩm, dịch vụ việc làm, dựa trên cơ sở chọn mẫu ngẫu nhiên theo từng ca dịch vụ, mỗi một dịch vụ chọn mẫu ngẫu nhiên ít nhất 30 ca dịch vụ đã cung ứng để kiểm định.

a) Trường hợp kết quả kiểm định có từ 85% ca dịch vụ trở lên đạt yêu cầu thì tất cả các dịch vụ đã cung ứng đạt yêu cầu về chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

b) Trường hợp kết quả kiểm định có trên 50% số ca dịch vụ không đạt yêu cầu thì cơ quan quản lý nhà nước về dịch vụ việc làm cấp tỉnh kiểm định toàn bộ sản phẩm, dịch vụ đó đã cung cấp. Chi phí kiểm định này do bên cung ứng dịch vụ chi trả theo hình thức làm thêm giờ vào ngày thứ bảy hoặc ngày chủ nhật theo hệ số lương cộng hệ số phụ cấp chức vụ (nếu có) cộng hệ số vượt khung (nếu có) của kiểm định viên mà cơ quan nhà nước đang thực hiện chi trả tiền lương.

Điều 8. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ

1. Trên cơ sở kết quả kiểm định chất lượng sản phẩm, dịch vụ về việc làm đã cung cấp, cơ quan đặt hàng cung ứng dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ.

2. Kết quả kiểm tra, nghiệm thu của cơ quan đặt hàng cung cấp dịch vụ lĩnh vực việc làm sẽ được thông báo bằng văn bản cho bên cung ứng dịch vụ.

3. Kiểm tra, nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ làm cơ sở thanh toán, quyết toán dịch vụ đã cung cấp khi sản phẩm, dịch vụ được cung cấp cho một ca dịch vụ đạt yêu cầu và được thanh, quyết toán theo quy định.

4. Thời gian kiểm tra, nghiệm thu: Từ ngày 25/12 đến ngày 31/12 của năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ; thanh lý hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ của cả năm.

Điều 9. Thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ

a) Thanh toán kinh phí đặt hàng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 24, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên.

b) Quyết toán kinh phí: Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 10. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Kiểm tra, giám sát quá trình cung cấp dịch vụ đối với bên cung ứng dịch vụ theo tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ tại Quy định này.

2. Tổ chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng cung ứng dịch vụ về thực hiện các quy trình, thủ tục cung cấp sản phẩm, dịch vụ việc làm theo Quy định này và các quy định của pháp luật về việc làm.

3. Tổ chức kiểm định, đánh giá, nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và thanh toán, quyết toán kinh phí sản phẩm, dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ theo khối lượng, chất lượng đạt yêu cầu.

4. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm hàng năm theo quy định.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm.

3. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật; đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của bên cung ứng dịch vụ

1. Xây dựng Kế hoạch cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm hàng năm, dự trù số lượng ca dịch vụ và kinh phí gửi cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan được ủy quyền đặt hàng.

2. Thực hiện cung cấp dịch vụ, thu thập thông tin đầy đủ, đúng quy trình và chất lượng dịch vụ theo tiêu chí, tiêu chuẩn tại Quy định này và khối lượng, thời gian theo yêu cầu của cơ quan đặt hàng dịch vụ.

3. Thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ việc làm đã cung cấp theo đúng khối lượng, chất lượng đạt yêu cầu với cơ quan được ủy quyền đặt hàng cung cấp dịch vụ.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan có thẩm quyền về nội dung, chất lượng sản phẩm, dịch vụ do đơn vị cung ứng.

5. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về việc làm tình hình thực hiện cung cấp dịch vụ theo Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm có trách nhiệm khai báo trung thực các thông tin, nhu cầu theo yêu cầu của Quy định này và của bên cung ứng dịch vụ.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo, đã được cung ứng dịch vụ đối với từng dịch vụ mà tổ chức, cá nhân đó đã đăng ký sử dụng.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp) để được xem xét, xử lý theo thẩm quyền./.

Mẫu số 01

(Kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

PHIẾU ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ

(Dành cho người lao động)

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Họ, chữ đệm và tên khai sinh:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh:.....3. Giới tính: Nam ; Nữ

4. Số CCCD/CMND:.....Số điện thoại:.....

5. Nơi đăng ký thường trú:.....

6. Nơi ở hiện nay:.....

7. Đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Người khuyết tật - Người thuộc hộ nghèo, cận nghèo

- Người dân tộc thiểu số - Bộ đội xuất ngũ

- Khác (ghi rõ):

8. Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất đã tốt nghiệp/đạt được:

- Chưa xong tiểu học: - Tốt nghiệp THCS:

- Tốt nghiệp tiểu học: - Tốt nghiệp THPT:

9. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng, kinh nghiệm làm việc

- Chưa qua đào tạo - Trung cấp

- CNKT không có bằng - Cao Đẳng

- Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng - Đại học

- Sơ cấp - Trên Đại học

9.1. Chuyên ngành đào tạo:.....

9.2. Trình độ ngoại ngữ:.....

9.3. Trình độ tin học:.....

9.4. Kỹ năng mềm:	Giao tiếp	<input type="checkbox"/>	Tổng hợp, báo cáo	<input type="checkbox"/>
	Quản lý nhân sự	<input type="checkbox"/>	Làm việc độc lập	<input type="checkbox"/>
	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Quản lý thời gian	<input type="checkbox"/>
	Theo dõi giám sát	<input type="checkbox"/>	Chịu được áp lực công việc	<input type="checkbox"/>
	Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Kỹ năng mềm khác:.....	

9.5. Kinh nghiệm làm việc (nếu có):

Tên đơn vị	Chức vụ	Công việc chính	Thời gian
		/20... -/20....
		/20... -/20....
		/20... -/20....

10. Đã từng làm việc ở nước ngoài:.....Thời gian.....Tên công việc

II. ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ

1. Nội dung tư vấn:

- Tư vấn việc làm
- Tư vấn chính sách lao động việc làm
- Tư vấn học nghề
- Đăng ký tìm việc làm và bổ sung thông tin tại Mẫu số 01a
- Giới thiệu việc làm

Khác.....
.....

2. Đánh giá chất lượng sử dụng dịch vụ tư vấn:

STT	Nội dung dịch vụ đã được tư vấn	Đánh giá					
		Người cung cấp dịch vụ		Nội dung cung cấp dịch vụ		Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cung ứng dịch vụ	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
1	Tư vấn việc làm						
2	Tư vấn chính sách lao động việc làm						
3	Tư vấn học nghề						
4	Đăng ký tìm việc làm						
5	Giới thiệu việc làm trong nước						

Ngày.....tháng.....năm.....

Người sử dụng dịch vụ
(Ký ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01a

(Kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN NGƯỜI TÌM VIỆC
(Dành cho người lao động)

- Loại hình doanh nghiệp: Nhà nước Ngoài nhà nước Có vốn đầu tư nước ngoài
- Tên công việc:.....
- Mô tả công việc:.....
- Vị trí việc làm mong muốn: Nhân viên, Quản lý, khác.....
- Nơi làm việc mong muốn: Tỉnh.....Huyện.....
- Loại hợp đồng lao động: Không xác định thời hạn, Xác định thời hạn
- Khả năng đáp ứng: Làm ca Đi công tác Đi biệt phái
- Hình thức làm việc: Toàn thời gian Bán thời gian
- Mục đích làm việc: Làm việc lâu dài Làm việc tạm thời Làm thêm
- Mức lương: Dưới 5 triệu Từ 5 đến 10 triệu 10-20 triệu Trên 20 triệu
- Chế độ phúc lợi mong muốn:
 Đóng BHXH, BHYT, BHTN Xe đưa đón Hỗ trợ đi lại Ký túc xá
 Hỗ trợ nhà ở Khác.....
- Điều kiện làm việc:
Nơi làm việc: Trong nhà Ngoài trời Hỗn hợp
Đứng hoặc đi lại: Hầu như không có Mức trung bình cần đứng/đi lại nhiều
Thao tác bằng tay: Cần hai tay Chỉ cần 1 tay
- Sẵn sàng làm việc: Làm việc ngay Làm việc sautháng
- Hình thức tuyển dụng: Trực tiếp Qua điện thoại Phòng vấn Online

Cao Bằng, ngày.....tháng.....năm

Viên chức thu thập thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

(Kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

PHIẾU ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ

(Dành cho người sử dụng lao động)

I. ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ TƯ VẤN

1. Tên doanh nghiệp/ người tuyển dụng:

2. Người đại diện theo pháp luật:..... 3. Giới tính: Nam Nữ

3. Mã số DN/mã số thuế/CCCD:..... Số điện thoại:.....

4. Loại hình doanh nghiệp: Nhà nước Ngoài nhà nước Có vốn đầu tư nước ngoài

5. Địa chỉ doanh nghiệp:

6. Ngành nghề kinh doanh:

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Nông, lâm nghiệp và thủy sản | <input type="checkbox"/> Khai khoáng |
| <input type="checkbox"/> Công nghiệp, chế biến, chế tạo | <input type="checkbox"/> Xây dựng |
| <input type="checkbox"/> Sx và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hoà không khí | <input type="checkbox"/> Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải |
| <input type="checkbox"/> Vận tải, kho bãi | <input type="checkbox"/> Dịch vụ lưu trú và ăn uống |
| <input type="checkbox"/> Thông tin và truyền thông | <input type="checkbox"/> Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm |
| <input type="checkbox"/> Hoạt động kinh doanh bất động sản | <input type="checkbox"/> Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ |
| <input type="checkbox"/> Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ | <input type="checkbox"/> Giáo dục và đào tạo |
| <input type="checkbox"/> Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội | <input type="checkbox"/> Nghệ thuật, vui chơi giải trí |
| <input type="checkbox"/> Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác | <input type="checkbox"/> Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT-XH, QLNN, ANQP, BDXH bắt buộc |
| <input type="checkbox"/> Hoạt động làm thuê và các công việc trong hộ gia đình | <input type="checkbox"/> Hoạt động, dịch vụ khác |

Mặt hàng/sản phẩm dịch vụ chính:.....

Quy mô lao động: < 10 10-50 51-100 101-200

Số lao động tuyển dụng.....tháng tới:.....

7. Vị trí công việc cần tuyển dụng..... Số lượng.....

8. Đăng ký dịch vụ

- Tư vấn chính sách lao động việc làm
 Tư vấn việc làm

- Cung ứng lao động và bổ sung thông tin tại mẫu số 02a
- Thu thập thông tin việc làm trống và bổ sung thông tin tại mẫu số 02b

9. Thông tin người đại diện doanh nghiệp đăng ký:

- Họ và tên:.....Chức vụ.....
- Số điện thoại:.....
- Hình thức liên hệ khác (nếu có):.....

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

STT	Nội dung dịch vụ đã được tư vấn	Đánh giá					
		Người cung cấp dịch vụ		Nội dung cung cấp dịch vụ		Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cung ứng dịch vụ	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
1	Tư vấn việc làm						
2	Tư vấn chính sách lao động việc làm						
3	Cung ứng lao động						
4	Thu thập thông tin việc làm trống						

Ngày..... tháng.....năm.....

Người sử dụng dịch vụ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02a

(Kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

PHIẾU ĐĂNG KÝ CUNG ỨNG LAO ĐỘNG

(Dành cho người sử dụng lao động)

I. THÔNG TIN TUYỂN DỤNG

1. Tên công việc:.....Số lượng cần tuyển.....người

Trong đó:.....nam.....nữ; nhân viên.....người; quản lý.....người; khác.....người

2. Yêu cầu trình độ giáo dục phổ thông:

Chưa học xong Tiểu học Tốt nghiệp Tiểu học Tốt nghiệp THCS Tốt nghiệp THPT

3. Yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học

Chưa qua đào tạo CNKT không có bằng Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng

Sơ cấp Trung cấp Cao đẳng Đại học Trên đại học

3.1. Chuyên ngành đào tạo:.....

3.2. Trình độ ngoại ngữ

Khả năng sử dụng: Tốt Khá Trung bình

3.3. Trình độ tin học:

Khả năng sử dụng: Tốt Khá Trung bình

4. Yêu cầu kinh nghiệm:

Không yêu cầu Dưới 1 năm Từ 1 đến 2 năm Từ 2 đến 5 năm Trên 5 năm

5. Nơi làm việc dự kiến.....

6. Dự kiến loại HĐLĐ ký kết: Không xác định thời hạn Xác định thời hạn

7. Hình thức làm việc: làm việc lâu dài làm việc tạm thời làm thêm

8. Mức lương dự kiến: dưới 5 triệu từ 5 đến 10 triệu từ 10 đến 20 triệu trên 20 triệu

9. Chế độ phúc lợi: đóng BHXH, BHYT, BHTN; Hỗ trợ bữa ăn, hỗ trợ chỗ ở; xe đưa đón, hỗ trợ khác bằng tiền (ghi cụ thể):.....

10. Điều kiện làm việc:

Nơi làm việc: trong nhà ngoài trời hỗn hợp

Đứng hoặc đi lại: hầu như không có mức trung bình cần đứng/ đi lại nhiều.

Thao tác bằng tay: Cần hai tay chỉ cần 1 tay cần cả hai tay.

11. Đối tượng ưu tiên: người khuyết tật Bộ đội xuất ngũ người thuộc hộ nghèo, cận nghèo,

dân tộc thiểu số, khác:.....

12. Hình thức tuyển dụng: trực tiếp qua điện thoại phỏng vấn online

13. Thời gian tuyển dụng:.....

14. Mong muốn đối với Trung tâm Dịch vụ việc làm: Tư vấn Giới thiệu Cung ứng

II. THÔNG TIN CẦN LIÊN HỆ:

Ông (bà)..... Chức vụ

Số điện thoại Email.....

Hình thức liên hệ khác (nếu có):.....

.....(ghi cụ thể)

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Mẫu số 02b

(Kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VIỆC LÀM TRỒNG

(Dành cho người sử dụng lao động)

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tên đơn vị sử dụng lao động:**
- Địa chỉ:**.....
- Mã số kinh doanh/ mã số thuế:**.....
- Số điện thoại:**.....**Email:**.....
- Loại hình doanh nghiệp:** Nhà nước; Ngoài nhà nước; Có vốn đầu tư nước ngoài
- Ngành kinh doanh chính:**.....
- Mặt hàng/ sản phẩm chính:**.....
- Quy mô lao động:**..... người

II. ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ THÔNG TIN VIỆC LÀM TRỒNG

- Tên công việc:**..... Số lượng cần tuyển người, trong đó nam nữ; nhân viên người, quản lý người, khác người.
- Yêu cầu trình độ giáo dục phổ thông:**
 Chưa học xong Tiểu học Tốt nghiệp Tiểu học Tốt nghiệp THCS Tốt nghiệp THPT
- Yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học**
 Chưa qua đào tạo CNKT không có bằng Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng
 Sơ cấp Trung cấp Cao đẳng Đại học Trên đại học
- 3.1. Chuyên ngành đào tạo:**.....
- 3.2. Trình độ ngoại ngữ**; **3.3. Trình độ tin học:**
- 4. Yêu cầu kinh nghiệm:** Số năm công tác..... **5. Nơi làm việc dự kiến**.....
- 6. Dự kiến loại HĐLĐ ký kết:** Không xác định thời hạn; Xác định thời hạn
- 7. Hình thức làm việc:** làm việc lâu dài; làm việc tạm thời, làm thêm
- 8. Mức lương dự kiến:** dưới 5 triệu, từ 5 đến 10 triệu, từ 10 đến 20 triệu, trên 20 triệu.
- 9. Chế độ phúc lợi:** đóng BHXH, BHYT, BHTN; Hỗ trợ bữa ăn, hỗ trợ chỗ ở; xe đưa đón, hỗ trợ khác bằng tiền (ghi cụ thể):
- 10. Điều kiện làm việc:** trong nhà, ngoài trời, hỗn hợp; Đứng hoặc đi lại: hầu như không có, mức trung bình, cần đứng/ đi lại nhiều. Thao tác bằng tay: Cần hai tay, chỉ cần 1 tay, cần cả hai tay.

11. Đối tượng ưu tiên: người khuyết tật, Bộ đội xuất ngũ, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, khác:.....

12. Hình thức tuyển dụng: trực tiếp, qua điện thoại, phỏng vấn online

13. Mong muốn đối với Trung tâm Dịch vụ việc làm: Tư vấn, Giới thiệu, Cung ứng

14. Thông tin cần liên hệ: Ông (bà) Chức vụ.....

Số điện thoại..... Email.....

Hình thức liên hệ khác (nếu có):

.....(ghi cụ thể)

Ngày.....tháng.....năm

Người thu thập thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 03

(Kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

PHIẾU ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ
(Dành cho tập thể người lao động)

I. ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ TƯ VẤN

1. Thông tin tập thể người lao động	
Tập thể người lao động đến từ *	
Số lượng*.....	
Họ và tên người đại diện*:	
Địa chỉ liên hệ*:	
Thông tin liên lạc	Số điện thoại*:
	Email:
	Liên hệ khác (nếu có):
2. Đăng ký dịch vụ (tích dấu "X" vào các dịch vụ đăng ký)	
<input type="checkbox"/> Tư vấn việc làm	
<input type="checkbox"/> Tư vấn chính sách lao động việc làm	
<input type="checkbox"/> Tư vấn học nghề	
<input type="checkbox"/> Khác	
3. Thời gian đăng ký:	

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ TƯ VẤN:

STT	Nội dung dịch vụ đã được tư vấn	Đánh giá					
		Người cung cấp dịch vụ		Nội dung cung cấp dịch vụ		Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cung ứng dịch vụ	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
1	Tư vấn việc làm						
2	Tư vấn chính sách lao động việc làm						
3	Tư vấn học nghề						

Cao Bằng, ngày tháng năm.....

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG